

TÔN GIÁO HỌC VỚI SỨ MỆNH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

TS. Ngô Quốc Đông*

TS. Dương Văn Biên**

TS. Nguyễn Thị Quế Hương***

Mở đầu

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, vấn đề tôn giáo luôn giữ vị trí đặc biệt trong việc tạo dựng sức mạnh đoàn kết, tổng hợp của dân tộc. Tôn giáo không chỉ là ý thức xã hội, mà còn liên quan mật thiết đến văn hóa, đến an ninh chính trị và sự ổn định xã hội. Vì thế, nhận thức đúng đắn về tôn giáo và xây dựng cơ sở lý luận khoa học cho công tác tôn giáo là yêu cầu xuyên suốt trong tiến trình cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bước sang thời kỳ Đổi mới, yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trở nên cấp thiết khi các thế lực thù địch tăng cường lợi dụng tôn giáo để xuyên tạc tình hình Việt Nam, kích động chia rẽ và can thiệp từ bên ngoài. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới ra đời (16/10/1990), đánh dấu sự đổi mới

*, **, *** Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.



nhận thức lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo, theo đó, ngành tôn giáo học với vai trò tiên phong của Viện Nghiên cứu Tôn giáo (nay là Viện Dân tộc học và Tôn giáo học) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ra đời và phát triển cho đến nay. Tiếp đến là Viện Tôn giáo, Tín ngưỡng thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ môn Tôn giáo học và các trung tâm nghiên cứu tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... cùng nhiều cơ sở nghiên cứu khác, đã dần dần hình thành một lực lượng khoa học chuyên nghiệp, đảm nhiệm nhiệm vụ nghiên cứu lý luận và cung cấp luận cứ thực tiễn phục vụ công tác khoa học, quản lý, tư vấn chính sách nhưng đồng thời, đóng góp quan trọng cho công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

1. Giai đoạn trước năm 1990

Trước năm 1990, ở Việt Nam chưa hình thành ngành tôn giáo học như một lĩnh vực khoa học độc lập như ngày nay. Tuy nhiên, tư duy nghiên cứu về tôn giáo, tìm hiểu về tôn giáo đã xuất hiện trong khuôn khổ nhiều chuyên ngành ngành khoa học xã hội và nhân văn khác nhau. Các nghiên cứu về tôn giáo thời kỳ này xuất hiện trên các tập san Triết học¹, Sử học², Dân tộc học³, Văn hoá học, Xã hội học và lý luận chính trị. Không chỉ có giới khoa học, trong thực

1. Các tác giả như: Bùi Thị Kim Quy, Ngô Thế Phong, Nguyễn Hữu Vui...

2. Các tác giả như: Trần Văn Giàu, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vương, Chương Thâu, Đỗ Quang Hưng...

3. Nổi bật phải kể đến GS. Đặng Nghiêm Vạn - người tiên phong trong nghiên cứu Dân tộc học và Tôn giáo học.



tiền lãnh đạo cách mạng Việt Nam, bản thân các vị tiền bối cách mạng tiêu biểu như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Nguyễn Văn Cừ... đã từng bước xây dựng nên một hệ thống luận điểm và cách tiếp cận mang tính nền tảng đối với tôn giáo. Hệ thống ấy không chỉ góp phần lý giải tôn giáo như một hiện tượng lịch sử, xã hội phức tạp, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và củng cố hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh giành độc lập, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trước tiên, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo và cách thức ứng xử với tôn giáo có thể xem như đặt ra nền tảng cho nhiều lĩnh vực lý luận về tôn giáo học sau này tiếp tục kế thừa, phát triển. Hồ Chí Minh là người đầu tiên xác lập cách hiểu mang tính hiện đại và nhân văn về tôn giáo qua việc Người coi tôn giáo như một nhu cầu tinh thần chính đáng của nhân dân, cần được tôn trọng và bảo vệ. Với tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, từ rất sớm, Người đã đề cập trong “Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ” viết năm 1924. Người viết: “*C. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà Châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn nhân loại*”¹. Điều này cho thấy, Hồ Chí Minh từ sớm đã nhận thấy tính duy vật lịch sử và bối cảnh cụ thể khi nhận định hay giải quyết các vấn đề, bao gồm vấn đề tôn giáo. Đặc biệt, trong một bài viết khác, Người khái quát đặc điểm niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam: “*Người An Nam không có linh mục, không có tôn giáo theo cách nghĩ của châu Âu. Việc cúng bái*

1. Dẫn theo Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1993), *Về tín ngưỡng tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 12.



tổ tiên là một hiện tượng xã hội. Chúng tôi không có những người tu tề nào... Những người già trong gia đình hay các già làng là người thực hiện những nghi lễ tưởng niệm”¹. Theo giáo sư Đỗ Quang Hưng, chính Chủ tịch Hồ Chí Minh là người tạo dựng nền tảng cho luật pháp về tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam². Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, có hai quan điểm chỉ đạo xuyên suốt cho đến ngày hôm nay và được nhiều văn kiện, nghị quyết của Đảng ta kế thừa, đó là: Tôn trọng nhu cầu tự do tôn giáo của nhân dân và coi tôn giáo là một bộ phận không thể tách rời của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về tôn giáo cho thấy sự kế thừa, vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Từ đó, Người đặt cơ sở lý luận cho việc Đảng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, xem đó là một quyền cơ bản của công dân, đồng thời chủ động hoá giải những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về “đàn áp tôn giáo”. Cùng với đó, tư tưởng “đoàn kết lương - giáo”, gắn kết đồng bào có đạo và không có đạo trong một khối đại đoàn kết dân tộc, đã định hình một hệ giá trị chiến lược: huy động các lực lượng tôn giáo vào sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, đồng thời, vô hiệu hóa những mưu đồ lợi dụng tôn giáo để chia rẽ chế độ. Cách tiếp cận thực tiễn, linh hoạt của Hồ Chí Minh xuất phát từ việc Người luôn đặt tôn giáo trong bối cảnh lịch sử, xã hội cụ thể, giúp Đảng ta vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo một cách mềm

1. Dẫn theo Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 37.

2. Đỗ Quang Hưng (2002), “Hồ Chí Minh và nền tảng luật pháp tôn giáo ở nước ta”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* số 3, tr. 3-13.



đeo, tránh giáo điều, từ đó tạo dựng được niềm tin của tín đồ đối với đường lối, chính sách của mình.

Song song với tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng, các nhà lãnh đạo của Đảng như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt... đã phát triển thêm những nội dung quan trọng về tôn giáo, góp phần củng cố nền tảng lý luận cho công tác tôn giáo. Chẳng hạn, trong bối cảnh chiến tranh phức tạp, trên báo Sự Thật năm 1948, Tổng Bí thư Trường Chinh đã có một bài phân tích rất dài về mối quan hệ giữa Cộng sản và Công giáo, để bác bỏ luận điệu của thực dân Pháp và các thế lực thù địch, khi đó luôn tung tin Cộng sản tiêu diệt tôn giáo, tôn giáo và Cộng sản không thể chung sống¹. Ông khẳng định dứt khoát rằng: mọi thái độ công kích tôn giáo hay định kiến với đồng bào có đạo đều là sai lầm, vì Chính phủ chủ trương tôn trọng tự do tín ngưỡng và củng cố đại đoàn kết toàn dân. Trong kháng chiến chống Pháp, ông nhấn mạnh, phải tranh thủ đồng bào Công giáo, bác bỏ luận điệu đồng nhất tôn giáo với phản động, qua đó vô hiệu hóa âm mưu chia rẽ của đối phương. Trường Chinh yêu cầu cán bộ phải “khéo vận động”, mềm dẻo và đúng chính sách tại những vùng có đông tín đồ, thể hiện tư duy thực tiễn và chống khuynh hướng cực tả trong xử lý vấn đề tôn giáo. Những định hướng này đã đặt nền móng cho chính sách tôn giáo nhất quán của Việt Nam sau 1945, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua đường lối đoàn kết, dân tộc. Những luận điểm này giúp Đảng định hình nguyên tắc cốt lõi trong chính sách tôn giáo: tôn trọng tự do tín ngưỡng đi

1. Đỗ Quang Hưng (2021), “Cách mạng và Tôn giáo”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 2, tr.54-62.



đôi với kiên quyết đấu tranh với mọi hành vi lợi dụng tôn giáo vào mục đích xấu.

Có thể nói trước năm 1954, dù chưa hình thành một ngành tôn giáo học độc lập, nhưng những quan điểm của Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Nguyễn, Trường Chinh đã có những đóng góp quan trọng trong xây dựng nền tảng nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo¹. Dù không phải là những nhà nghiên cứu, nhưng những nhận định và phát biểu của các nhà cách mạng góp phần định hình cách hiểu khái niệm tôn giáo theo tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi tôn giáo như một hiện tượng xã hội, lịch sử, có chức năng tinh thần đối với quần chúng, đồng thời có thể bị các lực lượng chính trị lợi dụng trong những hoàn cảnh nhất định. Từ cách tiếp cận ấy, họ đặt vấn đề tôn giáo trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc và xem tín đồ là một bộ phận lực lượng cách mạng cần được tranh thủ, qua đó khẳng định vai trò tích cực của tôn giáo khi gắn với lợi ích dân tộc. Đồng thời, các ông xác lập nguyên tắc phân biệt tín đồ, tổ chức tôn giáo và những người lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị, một luận điểm mang giá trị nền tảng cho công tác tôn giáo của Đảng trong nhiều giai đoạn sau này. Từ chỗ nhận thức đúng bản chất xã hội của tôn giáo, các ý kiến này cũng khẳng định rằng, không thể cưỡng bức xóa bỏ tôn giáo, mà cần giải quyết vấn đề tôn giáo thông qua cải thiện đời sống, nâng cao dân trí và củng cố điều kiện xã hội. Có nghĩa là giải quyết câu chuyện tôn giáo

1. Đỗ Quang Hưng (2009), “Nhận thức vấn đề tôn giáo ở nước ta giữa thế kỷ XX: Trường hợp Nguyễn Văn Nguyễn”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr.10-20.



phải dựa vào các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Mặt khác, những quan điểm này đã chủ động phản bác luận điệu thực dân và đế quốc lợi dụng tôn giáo để chia rẽ nhân dân và chống phá cách mạng, đặt nền móng cho cuộc đấu tranh tư tưởng của Đảng trong những năm quyết định của cách mạng dân tộc dân chủ.

Tiếp đó, các công trình của các nhà nghiên cứu như Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Hồng Dương... đã phục dựng và giải thích lịch sử hình thành, biến đổi của tín ngưỡng, tôn giáo; chỉ ra vai trò của tôn giáo trong lịch sử dân tộc, cũng như những trường hợp tôn giáo bị lợi dụng trong các kế hoạch xâm lược và nô dịch. Những kết quả này cung cấp chứng cứ lịch sử có sức thuyết phục để phản bác các luận điệu xuyên tạc về chính sách tôn giáo của Đảng trong giai đoạn quá độ chủ nghĩa xã hội trước thời kỳ Đổi mới, đồng thời cho thấy truyền thống gắn bó với dân tộc của đại đa số đồng bào các tôn giáo ở Việt Nam.

Trong giới dân tộc học và văn hóa học, có các nghiên cứu của Đặng Nghiêm Vạn, Tô Ngọc Thanh, Trần Quốc Vượng, Ngô Đức Thịnh... đã tiếp cận tôn giáo như một cấu trúc văn hóa và là thành tố của đời sống cộng đồng. Việc khảo sát sâu tôn giáo ngoại sinh, tôn giáo nội sinh, tín ngưỡng dân gian, hay các phong tục thờ cúng tổ tiên, thành hoàng, thờ Mẫu... cho thấy tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam mang tính dung hợp cao, gắn bó chặt chẽ với tổ chức làng xã, dòng họ và thiết chế văn hóa truyền thống. Cách tiếp cận này làm rõ rằng, tôn giáo không tồn tại như một "khối tách rời" đối lập với xã hội, mà gắn với bản sắc văn hóa dân tộc, với nhu cầu ổn định và gắn kết cộng đồng. Nhờ đó, các luận điểm về "tôn giáo là một bộ phận của văn hóa dân tộc"



và “giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn với văn hóa và dân tộc” dần được hình thành và củng cố.

Ở bình diện triết học và lý luận chính trị, nhiều công trình đã góp phần khắc phục dần những cách hiểu chưa đúng về lý luận Mác - Lênin đối với tôn giáo. Trên cơ sở nhận thức đúng hơn quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, các nhà nghiên cứu đã xem tôn giáo như một sản phẩm của những điều kiện lịch sử - xã hội nhất định, với chức năng an ủi, điều hòa và hợp thức hóa những bất bình đẳng, chứ không đơn giản là “mê tín” hay “tàn dư phong kiến” cần bị xóa bỏ tức thời.

Từ tổng hòa những nỗ lực đó, có thể nhận diện một số giá trị cốt lõi mà nghiên cứu tôn giáo trước 1990 đã đóng góp cho việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. *Thứ nhất*, nghiên cứu đã xác lập được quan điểm khoa học về tôn giáo như một hiện tượng lịch sử - xã hội có quy luật vận động gắn liền với đời sống, từ đó giúp Đảng kiên định lập trường duy vật biện chứng, tránh cả hai cực: phủ định sạch trơn tôn giáo hoặc xem nhẹ, buông lỏng quản lý. *Thứ hai*, các công trình nghiên cứu đã góp phần xây dựng nền tảng khoa học và “vũ khí lý luận” sắc bén để phản bác, đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc từ bên ngoài, đặc biệt là các cáo buộc về Việt Nam “đàn áp tôn giáo” trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh và hậu chiến. *Thứ ba*, các sản phẩm khoa học đã có những đóng góp quan trọng vào tạo dựng nền tảng, hệ thống tri thức về tôn giáo và góp phần điều chỉnh suy nghĩ, ứng xử với tôn giáo. *Thứ tư*, nhờ tư tưởng nhân văn và thực tiễn của Hồ Chí Minh cùng các nhà lý luận, Đảng ta đã tránh được những mô hình xử lý tôn giáo cực đoan từng tồn tại ở một số nước xã hội chủ nghĩa, giữ được lòng tin của tín đồ và sự ổn định chính trị - xã hội.



Như vậy, dù chưa có hình thức tổ chức là một ngành khoa học độc lập, nghiên cứu tôn giáo trước năm 1990 đã đóng vai trò thiết yếu trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thông qua tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của các nhà lãnh đạo cách mạng và đóng góp của các ngành sử học, dân tộc học, văn hóa học, triết học và lý luận chính trị, một nền tảng lý luận thực tiễn về tôn giáo đã được xây dựng tương đối vững chắc. Nền tảng đó không chỉ giúp Đảng hình thành chính sách về tôn giáo một cách khoa học, nhân văn và nhất quán, mà còn củng cố sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Đồng thời, đây cũng là tiền đề trực tiếp để ngành tôn giáo học chính thức xuất hiện và tiếp tục đảm đương sứ mệnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế sau năm 1990.

2. Sự hình thành các cơ quan nghiên cứu giảng dạy về tôn giáo

Sự hình thành của ngành tôn giáo học ở Việt Nam gắn với yêu cầu nhận thức lại vai trò của tôn giáo trong tiến trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ cuối thế kỷ XX. Điều này được đánh dấu bằng Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới (16/10/1990). Những chuyển đổi nhận thức của Đảng về tôn giáo còn xuất phát từ thực tế đời sống tín ngưỡng, tôn giáo có nhiều biến động sau chiến tranh và trong bối cảnh mở cửa, hội nhập với quốc tế và khu vực.

Thêm vào đó, những diễn biến của thực tiễn đời sống tôn giáo và nhu cầu đổi mới toàn diện của đất nước càng thúc đẩy sự định hình rõ nét hơn của lĩnh vực/ngành tôn giáo học tại Việt



Nam. Sự kiện phong thánh 117 thánh tử đạo Việt Nam của Tòa thánh Vatican vào năm 1988 đã khơi gợi lại những rạn nứt vốn có về mối quan hệ giữa Công giáo và dân tộc trong lịch sử chống chủ nghĩa thực dân của Việt Nam. Không những vậy, các thế lực thù địch còn lợi dụng sự kiện này để âm mưu tiếp tục gây chia rẽ tôn giáo và dân tộc.

Trước tình hình đó, Ban Bí thư đã yêu cầu các tổ chức chính trị, và đặc biệt là Ủy ban Khoa học xã hội - tiền thân của Viện Khoa học xã hội, nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - tổ chức một loạt hội thảo khoa học để đánh giá mối quan hệ giữa Nhà nước và giáo hội, tôn giáo và dân tộc. Nhiều đại biểu tham gia các cuộc hội thảo lúc đó đã đặt ra một yêu cầu cấp thiết, đó là: *Thành lập một cơ quan chuyên nghiên cứu về tôn giáo từ nhiều cách tiếp cận khác nhau*¹.

Xuất phát từ thực tiễn, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thúc đẩy việc hình thành các cơ quan, đơn vị có khả năng nghiên cứu chuyên sâu, tổng thể và chuyên ngành về tôn giáo, nhằm cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách. Trong bối cảnh đó, Viện Nghiên cứu Tôn giáo ra đời và trở thành tổ chức đầu tiên được giao nhiệm vụ nghiên cứu có hệ thống về đời sống tôn giáo ở Việt Nam theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Xem Huy Phúc (1988), "Hội nghị khoa học về vấn đề phong thánh tử đạo ở Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 1+2, tr. 114-116; Duong Van Bien (2024), *The Localization of Religion in Vietnam: The Case of Marian Devotion*. PhD Thesis, Universiti Brunei Darussalam.



Tiền thân của Viện Nghiên cứu Tôn giáo là Ban Nghiên cứu Khoa học về Tôn giáo, thành lập vào tháng 3/1991. Đến tháng 12/1991, đơn vị này được nâng lên thành Trung tâm Khoa học về Tôn giáo, và đến năm 1993 trở thành Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Cơ quan ngôn luận của viện là Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, trở thành diễn đàn học thuật quan trọng để giới nghiên cứu tham gia thảo luận, phân tích và làm sáng tỏ thực trạng đời sống tôn giáo ở Việt Nam, hệ thống quan điểm lý luận của Đảng và Nhà nước về tôn giáo. Tạp chí cũng góp phần lan tỏa các giá trị trong tư tưởng của Đảng về tôn giáo, chính sách tự do tôn giáo của Việt Nam, đồng thời đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và chính sách của Nhà nước. Viện giữ vai trò nòng cốt trong việc giải thích các quy luật vận động của tôn giáo, xây dựng khái niệm, phân tích tình hình và đề xuất các tư vấn chính sách phù hợp với điều kiện Việt Nam. Qua đó, Viện giúp Đảng có thêm cơ sở khoa học để bảo vệ nền tảng tư tưởng của mình trước các thách thức mới.

Từ tháng 4/2025, Viện Nghiên cứu Tôn giáo hợp nhất với Viện Dân tộc học, thành lập Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, với cơ quan ngôn luận là Tạp chí Dân tộc học và Tôn giáo học.

Song song với Viện Nghiên cứu Tôn giáo (nay là Viện Dân tộc học và Tôn giáo học) của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã phát triển Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng¹, để đáp ứng yêu cầu đào tạo cán

1. Tiền thân là Bộ môn Khoa học về Tín ngưỡng và Tôn giáo, được thành lập năm 1995, từ tháng 2/2025 đổi thành Viện Dân tộc và Tôn giáo.



bộ lý luận, nhất là cán bộ làm công tác dân vận và tôn giáo, cũng như các cán bộ quy hoạch giữ các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy hành chính công. Từ tiếp cận tôn giáo theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng tập trung vào việc làm rõ các quan điểm của Đảng về tôn giáo, tín ngưỡng, cũng như vị trí, chức năng của tôn giáo trong kiến trúc thượng tầng; những nguy cơ bị lợi dụng để chống phá Nhà nước; và các yếu tố tích cực có thể phát huy trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Nhờ vậy, Viện đóng góp trực tiếp vào nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua hoạt động đào tạo cán bộ và tổng kết thực tiễn chính trị - xã hội.

Trong lĩnh vực học thuật đại học, các cơ sở đào tạo như Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) đã đưa Tôn giáo học vào giảng dạy và nghiên cứu, tạo bước chuyển quan trọng trong việc chuyên môn hóa nguồn nhân lực nghiên cứu tôn giáo. Hoạt động của các nhóm nghiên cứu chuyên ngành tại các trường đại học, nhất là qua Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo đương đại, đã mở rộng các hướng tiếp cận mới như nhân học tôn giáo, xã hội học tôn giáo, tôn giáo học so sánh..., qua đó cung cấp thêm dữ liệu thực chứng cho nhận thức của Đảng về đặc điểm tôn giáo Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Chủ đề tôn giáo được giảng dạy trong trường đại học không còn nằm trong phạm trù “Chủ nghĩa vô thần khoa học”, mà đã phát triển thành bộ môn Tôn giáo học, với những đóng góp của nhiều thế hệ học giả và nhà giáo, tiêu biểu như Giáo sư Nguyễn Hữu Vui và nhà nghiên cứu Trương Hải Cường, v.v. Tôn giáo được nhìn nhận không chỉ



đơn thuần như một hình thái ý thức xã hội, mà được nhận định như “*một hiện tượng xã hội, một tiểu hệ thống kiến trúc thượng tầng, nghĩa là xem xét cả về mặt ý thức, mặt nghi lễ thờ cúng, mặt tổ chức*”¹. Tôn giáo có nhiều chức năng trong đời sống con người như: chức năng đền bù-hư ảo, chức năng thế giới quan, chức năng giao tiếp, chức năng liên kết xã hội, chức năng văn hóa, chức năng giáo dục...². Để làm sáng tỏ quan điểm, đường lối của Đảng về chủ trương xây dựng truyền thống dân tộc, bản sắc văn hóa Việt Nam, các nghiên cứu về tôn giáo ở thời kỳ này đã góp phần quan trọng xây dựng các luận điểm cơ bản, tư vấn chính sách và đổi mới tư duy nhìn nhận tôn giáo như là một thành tố văn hóa, có những giá trị đạo đức tốt đẹp và đồng bào các tôn giáo cũng là một bộ phận không thể tách rời trong khối đại đoàn kết dân tộc.

Nhìn tổng thể, các thiết chế nghiên cứu và đào tạo nói trên đã tạo thành một hệ thống hỗ trợ lẫn nhau, đưa nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam từ chỗ phân tán, định tính, dựa nhiều vào kinh nghiệm sang mô hình nghiên cứu chuyên nghiệp, liên ngành và gắn chặt với yêu cầu lý luận thực tiễn của Đảng. Sự ra đời và phát triển của ngành tôn giáo học, vì thế, càng có ý nghĩa chiến lược trong việc củng cố, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở hiện tại và tương lai.

1. Xem Nguyễn Hữu Vui (1991), “Vai trò của tôn giáo cần được nhìn từ góc độ Triết học và Xã hội học”, *Tạp chí Khoa học*, số 6, tr. 3.

2. Xem Nguyễn Hữu Vui (1991), “Vai trò của tôn giáo cần được nhìn từ góc độ Triết học và Xã hội học”, *Tạp chí Khoa học*, số 6, tr. 1-2.



3. Đóng góp của ngành tôn giáo học trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng¹

3.1. Vận dụng phù hợp và hiệu quả hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo ở Việt Nam

Một trong những đóng góp quan trọng của ngành tôn giáo học là nỗ lực tái dựng lại cách hiểu đúng đắn về tư tưởng của Mác, Ăngghen và Lênin đối với tôn giáo. Nếu trước kia, các trích dẫn về tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lênin thường tách rời văn cảnh, hoặc bị giản lược, dẫn đến một bộ phận đã không hiểu đầy đủ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo. Hơn nữa trong bối cảnh của cuộc kháng chiến chống thực dân và thống nhất đất nước, yêu cầu chính trị đặt lên hàng đầu, nên các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin nhiều khi còn chưa được chú trọng phân tích toàn diện. Khi cơ quan khoa học về tôn giáo ra đời, đặc biệt là Viện Nghiên cứu Tôn giáo, các thao tác đầu tiên của giai đoạn đầu khi nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam là tìm lại nguyên gốc và đọc lại các lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo². Công việc này không dừng lại ở việc trích dẫn văn bản kinh điển³, mà bao hàm quá trình tái phân tích, đánh giá

1. Phần này chúng tôi phân tích chủ yếu từ dữ liệu và hoạt động của Viện Nghiên cứu Tôn giáo từ khi thành lập cho đến khi hợp nhất thành Viện Dân tộc học và Tôn giáo học như hiện nay.

2. GS. Đặng Nghiêm Vạn, GS.TS. Đỗ Quang Hưng, GS.TS. Nguyễn Quang Hưng... là những nhà nghiên cứu đã rất chú trọng đến công việc này, vì cho rằng đó là một trong các nguyên tắc để có thể hiểu một cách tốt nhất về chủ nghĩa Mác khi bàn về tôn giáo.

3. Nguyễn Đức Sự (chủ biên, 1999), *C.Mác - Ph.Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.



các điển giải cũ, đối chiếu với hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm, phục hồi hệ thống lập luận sát hợp hơn với những ý tưởng mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin chủ trương xây dựng. Việc nghiên cứu lại đúng tinh thần kinh điển Mác - Lênin về tôn giáo không chỉ giúp tránh những hiểu sai, giản lược hay tá khuynh trong nhận thức về tôn giáo, mà còn cung cấp nền tảng lý luận vững chắc, đúng đắn để Đảng xây dựng chính sách tôn giáo một cách khoa học, nhân văn, đồng thời nâng cao năng lực phản bác và đấu tranh với các quan điểm xuyên tạc về tình hình tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Thay vì tiếp cận tôn giáo từ một góc nhìn phủ định toàn diện và khuôn vào lĩnh vực đấu tranh tư tưởng, giai cấp - một điều từng phổ biến trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh - các kết quả nghiên cứu từ năm 1990 trở đi đều khẳng định rằng chủ nghĩa Mác-Lênin nhìn tôn giáo như một hiện tượng xã hội có lịch sử, mang dấu ấn của những điều kiện cụ thể trong mỗi giai đoạn. Tôn giáo trong cách hiểu của chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là một “hiện tượng hư ảo” đứng ngoài thế giới thực tế của đời sống, mà được hình thành từ tồn tại xã hội, từ những nhu cầu tinh thần và tâm lý của con người khi phải đối mặt với bất công, khổ cực và hạn chế của tri thức.

Khi nói đến tôn giáo như một dạng “an ủi”, Mác không nhằm phủ nhận giá trị tinh thần hay chức năng gắn kết cộng đồng của tôn giáo. Thay vào đó, ông mô tả cơ chế xã hội làm nảy sinh tôn giáo và những giới hạn của tôn giáo trong việc cải tạo hiện thực. Bằng cách phân tích tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo theo tiếp cận biện chứng và lịch sử cụ thể, các nghiên cứu cơ bản của các nhà nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam đã đưa ra



cách hiểu khoa học và toàn diện hơn, đồng thời giúp khắc phục những diễn dịch siêu hình về tôn giáo từng xuất hiện trong một số giai đoạn lịch sử.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu giai đoạn đầu của Viện Nghiên cứu Tôn giáo hay các công bố trên tạp chí chuyên ngành nhấn mạnh rằng việc hiểu luận điểm “tôn giáo là thuốc phiện” cần đặt trong chính thể triết học của Mác: đó không phải là một kết luận chính trị cực đoan, mà là lời phê phán hệ thống xã hội khiến con người phải tìm đến tôn giáo như nơi nương tựa tinh thần. Khi nhìn từ toàn bộ tác phẩm của Mác, ta thấy rõ ông không hề cố sùỵ cho việc dùng biện pháp hành chính để loại bỏ tôn giáo, cũng không nhắm đến việc áp đặt một xã hội vô thần cực đoan, loại bỏ tôn giáo ra khỏi đời sống con người. Đây là điểm mà Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã làm sáng tỏ và góp phần điều chỉnh nhận thức sai lệch từng tồn tại. Chẳng hạn, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (nay là Tạp chí Dân tộc học và Tôn giáo học) đã đăng tải nghiên cứu của Sergio Vuscovic Rojo phân tích toàn diện luận điểm “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”, cho thấy đây không phải là sự phủ định tôn giáo mà là phê phán tình trạng tha hóa xã hội, tạo ra nhu cầu tôn giáo như sự an ủi tinh thần¹. Hay nghiên cứu của Nguyễn Đức Lữ đã hệ thống hóa các quan điểm chủ chốt của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo, từ duy vật lịch sử, duy vật biện chứng đến vai trò của tôn giáo trong kiến trúc thượng tầng. Qua nghiên cứu này khẳng định tôn giáo vừa

1. Sergio Vuscovic Rojo (Viện Nghiên cứu Tôn giáo dịch) (2000), “Tôn giáo, thuốc phiện của nhân dân và sự phản kháng chống lại khốn cùng thực tại - các quan điểm của Mác và Lênin”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 12-17.



mang bản chất lịch sử - xã hội, vừa chịu sự chi phối của điều kiện kinh tế, chính trị¹. Đặc biệt, Nguyễn Hồng Dương đã khẳng định việc nghiên cứu lý luận tôn giáo là một trong những bước đột phá, là thành công trong nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Tôn giáo².

Nhờ khôi phục được tinh thần khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã đóng vai trò quan trọng trong việc hệ thống hóa, phân tích và diễn giải, tạo dựng một hệ thống cơ sở lý luận vững chắc và khoa học cho nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam. Các nghiên cứu về tôn giáo như vậy đã góp phần củng cố niềm tin rằng nền tảng tư tưởng của Đảng có khả năng bao quát, thích ứng và giải thích sâu sắc các vấn đề tôn giáo trong xã hội hiện đại, đồng thời đưa ra các định hướng và chính sách tôn giáo phù hợp với phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3.2. Khẳng định giá trị bền vững của các di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo

Có thời kỳ, các di sản về tôn giáo của các vị tiền bối chưa được giới khoa học và quản lý chú tâm nghiên cứu, do chưa có một cơ quan khoa học chuyên nghiên cứu về tôn giáo. Tuy nhiên, trước khi môn Tư tưởng Hồ Chí Minh được đưa vào giảng dạy tại các cơ sở cao đẳng và đại học, Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã

1. Nguyễn Đức Lữ (2001), “Bước đầu tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 3-8.

2. Nguyễn Hồng Dương (2016), “Nghiên cứu lý luận tôn giáo - một trong đột phá khâu nghiên cứu tôn giáo của Viện Nghiên cứu Tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr 3-33.



quan tâm nghiên cứu tư tưởng của Người ngay từ giai đoạn đầu mới thành lập.

Năm 1996, Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã sưu tầm các bài viết của Hồ Chí Minh đăng tải trên các báo chí cách mạng trước đây, cho ra cuốn *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, do Nhà xuất bản Khoa học xã hội cấp phép và phát hành. Công trình này là bước đầu nhằm cung cấp một cái nhìn đầy đủ, sâu sắc và toàn vẹn về các di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo, đồng thời là nền tảng cho đổi mới và nâng cao nhận thức về công tác tôn giáo của Đảng. Tiếp đó, các nghiên cứu của các tác giả như Đặng Nghiêm Vạn, Đỗ Quang Hưng đã có nhiều bài viết phân tích sâu sắc và giá trị về tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Các nghiên cứu của Viện cho thấy, nếu đặt Người vào bối cảnh thế kỷ XX - thời điểm nhiều phong trào cách mạng coi tôn giáo là “đối tượng phải loại bỏ” - thì cách tiếp cận tôn giáo của Hồ Chí Minh mang tính “đi trước thời đại” rất rõ.

Ngay từ khi mới thành lập Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo vào năm 1999, ngoài các công trình nghiên cứu về Mác và Lênin bàn về tôn giáo như đã trình bày ở trên, các công trình đăng trên Tạp chí trong giai đoạn 2000-2003 đã hình thành một mảng tư liệu quan trọng, làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo từ nhiều góc độ khác nhau. Trước hết, bài viết của Đặng Nghiêm Vạn cho thấy Hồ Chí Minh tiếp cận tôn giáo như một nhu cầu tinh thần khách quan của quần chúng, coi đây là một bộ phận cấu thành của khối đại đoàn kết dân tộc, đồng thời nhấn mạnh khả năng biến tôn giáo thành một nguồn lực xã hội tích



cực trong công cuộc cách mạng¹. Với việc phân tích vai trò của Người trong việc đặt nền móng cho hệ thống pháp luật tôn giáo của Việt Nam, Đỗ Quang Hưng đã chỉ ra nguyên tắc tôn trọng tự do tín ngưỡng và bảo đảm bình đẳng giữa các tôn giáo trong khuôn khổ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa². Ở bình diện đoàn kết tôn giáo, Lê Đại Nghĩa chứng minh tư tưởng “đoàn kết Lương - Giáo” của Hồ Chí Minh là một trong những trụ cột định hướng chính trị - xã hội của cách mạng Việt Nam, tạo nền tảng nhận thức để Đảng coi tín đồ như một lực lượng trong mặt trận đại đoàn kết³. Về phương diện văn hoá đạo đức, nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đức Lữ chỉ ra cách Hồ Chí Minh luôn đặt tôn giáo trong quan hệ hữu cơ với đời sống tinh thần, đạo đức và các giá trị văn hoá của dân tộc, từ đó khẳng định tính nhân văn trong cách tiếp cận tôn giáo của Người⁴. Từ góc độ nhân quyền và khoan dung tôn giáo, bài của Hồ Trọng Hoài đã làm rõ quan niệm rộng mở của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tôn trọng sự khác biệt tín ngưỡng, coi đây là nền tảng để xây dựng sự đồng thuận xã hội và củng cố niềm tin của tín đồ đối với chế độ⁵...

1. Đặng Nghiêm Vạn (2000), “Hồ Chí Minh và vấn đề tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 3-8
2. Đỗ Quang Hưng (2002), “Hồ Chí Minh và nền tảng luật pháp tôn giáo ở nước ta”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 3-13.
3. Lê Đại Nghĩa (2001), “Về tư tưởng đoàn kết Lương - Giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 11-15.
4. Nguyễn Đức Lữ (2002), “Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa tôn giáo với một số lĩnh vực của đời sống xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr. 4-11.
5. Hồ Trọng Hoài (2003), “Hồ Chí Minh về sự khoan dung tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 9-14.



Những nghiên cứu này, khi đặt cạnh nhau, tạo nên một bức tranh đầy đủ về hệ tư tưởng tôn giáo của Hồ Chí Minh, cho thấy giá trị nhân văn, khoa học, khoan dung gắn với đoàn kết dân tộc, đồng thời là nền tảng cho chính sách tôn giáo của Đảng trong suốt thời kỳ cách mạng và đổi mới. Điểm lại việc ngành Tôn giáo học đã làm rõ các luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo, góp phần củng cố nhận thức của cán bộ, đảng viên và nền tảng tư tưởng của Đảng về tôn giáo, có thể thấy qua một số điểm nhấn sau:

Thứ nhất, qua các bài viết, thư gửi chức sắc tôn giáo và cách Người ứng xử với các cộng đồng tín đồ, có thể thấy Hồ Chí Minh nhìn tôn giáo trước hết như một nhu cầu tinh thần tự nhiên của con người. Niềm tin tôn giáo, trong nhãn quan của Người, không phải để phê phán, bình luận hay chế giễu, cũng không quản lý bằng mệnh lệnh hành chính, mà là một phần cấu thành đời sống tinh thần, cần được tôn trọng. Tuy nhiên, Người cũng lưu ý rằng biểu đạt niềm tin đó không được mâu thuẫn với lợi ích dân tộc và cần tuân thủ pháp luật. Trên cơ sở đó, Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã công phu hệ thống hóa các nguồn tư liệu để chứng minh rằng điều này không phải là những câu nói “ngoại giao”, mà là quan điểm nhất quán, xuyên suốt trong suy nghĩ và hành động của Hồ Chí Minh.

Thứ hai, các nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã làm rõ cách Hồ Chí Minh đặt vấn đề quyền tự do tín ngưỡng trong một cấu trúc rộng hơn của quyền con người. Người không tách tự do tôn giáo ra khỏi các quyền dân sự, chính trị và kinh tế, mà xem đó là một phần của phẩm giá con người. Điểm đáng chú ý là Người đồng thời khẳng định quyền theo hoặc không



theo tôn giáo. Như vậy, chuẩn mực mà Người hướng tới là một không gian công cộng, nơi người có đạo và người không có đạo sống với nhau trên nền tảng tôn trọng lẫn nhau, chứ không phải ưu tiên bên này, loại trừ bên kia.

Thứ ba, các nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh chiều kích chính trị trong tư tưởng tôn giáo của Người. Tôn giáo được đặt trong tổng thể chiến lược đoàn kết dân tộc. Hồ Chí Minh không chỉ kêu gọi tín đồ “tốt đời, đẹp đạo” ở mức đạo đức cá nhân, mà còn coi các lực lượng tôn giáo yêu nước là một bộ phận của mặt trận dân tộc thống nhất. Từ những phân tích này, với Hồ Chí Minh, mâu thuẫn cơ bản trong thời kháng chiến không phải là đối lập “vô thần - hữu thần”, mà là đối lập giữa những người yêu nước, mong muốn độc lập, tự do, với các lực lượng chống lại lợi ích dân tộc.

Thứ tư, các công trình của Viện Nghiên cứu Tôn giáo cũng lưu ý tới phong cách ứng xử của Hồ Chí Minh với tôn giáo, không chỉ dừng ở quan điểm. Đó là cách Người đến với các cộng đồng tín đồ, sử dụng ngôn ngữ gần gũi, chấp nhận những yếu tố tôn giáo tích cực, đồng thời không áp đặt khung ý thức hệ khô cứng khi giao tiếp với chức sắc. Chính phong cách này đã biến những nguyên tắc trừu tượng về tự do tín ngưỡng và đoàn kết tôn giáo thành sức mạnh thực tế, chạm tới trái tim tín đồ và chức sắc¹.

Từ những phân tích đó, ngành Tôn giáo học đã đóng góp lý luận quan trọng trong việc khẳng định rõ nét thêm tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo là trụ cột đầu tiên trong nền tảng lý luận

1. Ngô Quốc Đông (2017), “Hồ Chí Minh và vấn đề Công giáo (1945-1954)”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5+6, tr.96-129.



của Đảng về tôn giáo. Nó vừa mang tính nhân văn, vừa mang tính chiến lược, vừa định hình nguyên tắc. Trong đó xuyên suốt là tư tưởng tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Gắn đoàn kết tôn giáo với dân tộc, quyền của tín đồ gắn với lợi ích tối cao của quốc gia.

Một đóng góp mang tính phương pháp của Viện Nghiên cứu Tôn giáo là nỗ lực tập hợp và phân tích một cách có hệ thống các mảnh tư liệu lịch sử rời rạc từ bài viết, bài nói, thư từ, nghị quyết, đến các báo cáo nội bộ thành một bức tranh tương đối toàn diện về cách Đảng suy nghĩ và hành động đối với tôn giáo qua từng giai đoạn. Có thể nói, Viện đã thực hiện một công việc gắn với khảo cứu hệ thống tiến trình nhận thức và lãnh đạo của Đảng ta về tôn giáo qua lục tìm, đối chiếu, phân loại và sắp xếp các văn bản theo trục thời gian và trục vấn đề¹. Từ kết quả này, ngành Tôn giáo học, với đầu tàu là Viện Nghiên cứu Tôn giáo, đã chỉ ra nhiều ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam:

Một là, ngay từ những năm đầu thành lập, Đảng ta đã xem tôn giáo như một vấn đề chiến lược, chứ không phải hiện tượng thứ yếu có thể xử lý sau. Vấn đề tôn giáo được Đảng nhận thức

1. Có rất nhiều nghiên cứu một cách hệ thống về các vấn đề lịch sử nhận thức của Đảng ta. Người tiêu biểu có lẽ phải kể đến GS. Đỗ Quang Hưng, đã nghiên cứu tư tưởng của nhiều lãnh tụ trí thức về tôn giáo như Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn An Ninh... Đỗ Quang Hưng có cuốn sách khảo cứu hệ thống về vấn đề này là *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam* (xuất bản lần đầu), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.



và lãnh đạo trong mối quan hệ với độc lập dân tộc và xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Trong các văn kiện đầu tiên, việc xây dựng mặt trận thống nhất như Việt Minh, Liên Việt đã đặt ra nhiệm vụ chiến lược là tranh thủ các lực lượng tôn giáo để tạo ra khối đại đoàn kết. Điều này bác bỏ nhận định cho rằng chỉ đến Đổi mới, Đảng mới “nhớ ra” vai trò của tôn giáo.

Hai là, khi xem xét các văn kiện sau 1990, tức là thời kỳ Đổi mới chính sách tôn giáo, các nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Tôn giáo cho thấy những chuyển biến quan trọng ở cấp độ diễn ngôn: ngôn ngữ nói về tôn giáo trở nên mềm dẻo, chính xác và gần gũi hơn với đời sống tôn giáo thực tế. Đồng thời, các nguyên tắc nền tảng như tôn trọng tự do tín ngưỡng, bình đẳng trước pháp luật, và phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng tôn giáo được khẳng định mạnh mẽ hơn. Viện lập luận rằng đây không phải bước “đổi màu tư tưởng”, mà là sự cụ thể hóa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh và Chủ nghĩa Mác - Lênin trong bối cảnh mới.

Ba là, việc phân tích toàn bộ tiến trình này thành một chỉnh thể giúp Viện xây dựng luận cứ hệ thống để phản bác các luận điệu cho rằng Đảng đã “quay ngoắt 180 độ” trong vấn đề tôn giáo. Khi nhìn vào bức tranh tổng thể, có thể thấy sự điều chỉnh chính sách sau 1990 là kết quả của quá trình tích lũy kinh nghiệm, đối thoại với thực tiễn, chứ không phải là sự từ bỏ nền tảng tư tưởng. Nói cách khác, Đảng đã chuyển từ mô hình ứng xử chủ yếu dựa vào kinh nghiệm chiến tranh sang mô hình quản lý tôn giáo trong xã hội hòa bình, kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, trong đó nền tảng tư tưởng Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn là điểm tựa.



Từ góc độ bảo vệ nền tảng tư tưởng, việc Viện Nghiên cứu Tôn giáo (nay là Viện Dân tộc học và Tôn giáo học) hệ thống hóa tiến trình nhận thức, ứng xử và đổi mới về tôn giáo của Đảng có ý nghĩa kép. Một mặt, các nghiên cứu củng cố tính lịch sử, tính phát triển và tính liên tục của đường lối tôn giáo của Đảng. Mặt khác, các nghiên cứu tạo cơ sở lý luận để đối thoại với những cách hiểu sai hoặc cố tình xuyên tạc lịch sử chính sách tôn giáo của Việt Nam.

3.3. Kế thừa, xây dựng và phát triển hệ thống lý luận khoa học về tôn giáo, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời kỳ Đổi mới đất nước

3.3.1. Phát triển nhận thức khoa học chuyên ngành và liên ngành về tôn giáo dựa trên lý luận mác-xít và kiên định tính Đảng

Từ năm 1990 trở đi, không khí học thuật của Tôn giáo học có sự thay đổi mạnh mẽ, không còn thiên về “tả khuynh” (vô thần khô cứng) và cũng không còn e ngại rơi vào “hữu khuynh” (mất lập trường), mà chuyển sang quan điểm cởi mở, toàn diện hơn. Các nghiên cứu về tôn giáo ở Việt Nam bắt đầu có những đánh giá, nhìn nhận cả những ưu điểm lẫn hạn chế phát sinh liên quan đến tôn giáo, đồng thời luận giải vấn đề tôn giáo trong chính môi trường và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước.

Tôn giáo không chỉ được nhìn nhận ở khía cạnh bản thể luận - trả lời câu hỏi tôn giáo là gì - mà còn được chú trọng nghiên cứu ở khía cạnh chức năng luận, tức tôn giáo có đóng góp, vai trò gì trong đời sống. Vấn đề tôn giáo nói chung được nhận diện không chỉ là vấn đề thuộc lĩnh vực tín thần thuần túy hay vấn đề đấu tranh ý thức hệ, mà còn được nhìn nhận như một tiểu hệ



thống trong kiến trúc thượng tầng, một thực thể xã hội có sức ảnh hưởng rất lớn, đan chéo phức tạp vào nhiều lĩnh vực của đời sống. Tiếp cận phân tích các vấn đề tôn giáo không còn khu trú chủ yếu trong phạm vi sử học, chính trị học, triết học mà mở rộng sang các lĩnh vực dân tộc học, văn hóa học, xã hội học và các cách tiếp cận liên ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn.

Viện trưởng đầu tiên của Viện Nghiên cứu Tôn giáo là Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn, một chuyên gia dân tộc học. Những cống hiến của Giáo sư đối với dân tộc học và tôn giáo học đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, trao tặng các giải thưởng cao quý như: Giải thưởng Nhà nước về Khoa học Công nghệ năm 2000 và Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2005.

Để cung cấp các luận cứ quan trọng cho việc đổi mới chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước, Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn đã thực hiện Đề tài KX.04.13 *Luận cứ khoa học cho việc tiếp tục hoàn chỉnh chính sách tín ngưỡng và tôn giáo*, thuộc Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước KX-04 *Luận cứ khoa học cho việc đổi mới chính sách và cơ chế quản lý việc thực hiện chính sách xã hội*, do GS. Phạm Xuân Nam làm chủ nhiệm, thực hiện trong giai đoạn 1992-1995.

Tiếp tục vào những năm cuối 1996 đến 1999, Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn thực hiện đề tài KHXX-04-06 *Những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam*, trong Chương trình KHXX-04 *Xây dựng con người, phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Kết quả từ các nhiệm vụ được giao đã tạo ra những công bố quan trọng, làm nền tảng cho nền tôn giáo học ở Việt Nam.



Nhiều vấn đề cơ bản của tôn giáo học đã được Giáo sư luận bàn sâu sắc như: định nghĩa tôn giáo, các hình thức và yếu tố cấu thành tôn giáo (niềm tin, hành vi, nghi lễ và tổ chức tôn giáo), cách tiếp cận Mác-xít về tôn giáo, đặc trưng tôn giáo ở Việt Nam, và đặc biệt là phát triển tư tưởng Tôn giáo học về “đạo Thờ Tổ”¹.

Cùng với các cộng sự, trong tác phẩm *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996 và 1998) do Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn chủ biên đã đặt nền móng cho nền khoa học về tôn giáo ở Việt Nam, xác định rõ đường hướng của tôn giáo học ở Việt Nam là quán triệt theo quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, tôn giáo học ở Việt Nam tập trung vào “*đánh giá tôn giáo còn là một nhu cầu lâu dài của một bộ phận nhân dân và phân tích cục của tôn giáo đóng góp cho việc xây dựng đời sống xã hội hiện nay theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó phản ánh tư tưởng của Hồ Chủ tịch về tôn giáo, một tư tưởng vừa có tính lịch sử, biện chứng, nhân ái luôn hướng vào việc đoàn kết toàn dân vì mục đích ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI*”². Lý luận về sứ mệnh tôn giáo học ở Việt Nam, được giáo sư và các cộng sự làm sâu sắc thêm trong tác phẩm quan trọng *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam* xuất bản về sau này. Chính các nghiên cứu của giới tôn giáo học ở Việt Nam đã góp phần lý giải, bảo vệ và vận dụng các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo vào bối cảnh thực tiễn Việt

1. Xem thêm: Nguyễn Hồng Dương (2021), “Tôn giáo học trong một số công trình nghiên cứu của Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9 (213), tr. 3-22.

2. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 7.



Nam. Một mặt, giới Tôn giáo học khẳng định sự đúng đắn trong quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tính chất quyết định của yếu tố kinh tế, tồn tại xã hội đối với lĩnh vực tinh thần, tôn giáo, đồng thời nhấn mạnh tôn giáo là một sản phẩm xã hội, mang đặc điểm văn hóa và lịch sử.

Mặt khác, qua các nghiên cứu, các học giả nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam cũng chỉ rõ rằng chủ nghĩa Mác - Lênin không phủ nhận vai trò xã hội của tôn giáo, thậm chí khẳng định rằng có lúc, có nơi tôn giáo còn góp phần vào phát triển xã hội. Quan điểm cho rằng “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng được luận giải một cách tường minh, mang tính lịch sử cụ thể, đặt trong chính bối cảnh thời đại của Mác và không tách rời khỏi hệ thống quan điểm về tôn giáo của Mác, Ăngghen và Lênin. Theo đó, tôn giáo không nên đồng nhất hoàn toàn với việc “ru ngủ” quần chúng, mà thực sự còn có ý nghĩa đối với quần chúng, thể hiện như một thứ thuốc có thể xoa dịu các nỗi đau khổ, “tiếng thở dài” của chúng sinh. Điều này có nghĩa rằng bản chất quan điểm xem “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” không phải là quan điểm đối kháng tiêu cực đối với tôn giáo. Quan trọng hơn, các nghiên cứu lý luận về tôn giáo cũng chỉ ra rằng chủ nghĩa Mác - Lênin chưa bao giờ và không bao giờ chủ trương chống tôn giáo, mà chỉ chủ trương đấu tranh chống lại tồn tại xã hội có những bất công, áp bức. Những người chủ trương đấu tranh chống tôn giáo là những người theo chủ nghĩa duy vật thô thiển hoặc các quan điểm phái sinh của triết học và chính trị học mác-xít nhưng mang nặng tính tả khuynh, chứ không phải là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đặc biệt, gần đây, tác giả Đỗ Quang Hưng đã bàn luận sâu hơn về chủ đề “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” qua hai bài viết được đăng tải trên



Tạp chí Dân tộc học và Tôn giáo học¹. Chính các luận giải của các nhà nghiên cứu tôn giáo như vậy đã góp phần xóa tan những luận điệu của các thế lực thù địch nhằm xuyên tạc quan điểm đúng đắn về tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự luận giải về vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội, làm rõ bức tranh đa dạng về tôn giáo và thực tế tự do tôn giáo ở Việt Nam của giới tôn giáo học đã góp phần đẩy lùi những luận điệu xuyên tạc, xuyên tạc rằng một xã hội theo chủ nghĩa Cộng sản là vô tôn giáo.

Việc phân biệt giữa nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng và lợi dụng tôn giáo trong nghiên cứu, đấu tranh là phương pháp luận đúng đắn của tôn giáo học mác-xít, luôn được các học giả nghiên cứu tôn giáo có uy tín ở Việt Nam quán triệt. Có thể nói, nhờ việc kiên định tính đảng và xác định tính mác-xít cho nền tôn giáo học, giới nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam đã góp phần đáng kể vào việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là giai đoạn đầu sau Đổi mới, đặc biệt vào những năm 1990. Đó cũng là thời điểm mà chủ nghĩa xã hội gặp khủng hoảng về mô hình, các nước xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu. Trong khi đó, các thế lực thù địch vẫn ra sức chống phá các nước xã hội chủ nghĩa còn lại bằng nhiều phương thức, bao gồm cả việc lợi dụng tôn giáo để gây bạo loạn và chia rẽ dân tộc. Chính các nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội đã góp phần vạch trần bản chất lợi dụng tôn giáo, kích động sự trở dậy của tâm lý tộc người nhằm thực hiện âm mưu chia cắt

1. Đỗ Quang Hưng (2025), “Hơn cả “thuốc phiện”: Trở lại vấn đề Marx và tôn giáo”, *Tạp chí Dân tộc học và Tôn giáo học*, số 1 (tr 3-23) và số 2 (3-28).



lãnh thổ, làm suy yếu nhà nước trung ương và phá vỡ toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Trong giới học thuật nghiên cứu và quan lý tôn giáo ở Việt Nam, tôn giáo còn được xem là “một thực thể xã hội”¹, các tổ chức tôn giáo hợp pháp và đủ điều kiện còn được cấp phép đăng ký hoạt động, tư cách pháp nhân. Quan trọng hơn, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn có chính sách tôn trọng tự do và bình đẳng tôn giáo, khuyến khích tín đồ tôn giáo trở thành những công dân tốt, đồng thời kiên quyết xử lý các hoạt động lợi dụng tôn giáo để chống phá khối đại đoàn kết dân tộc, gây phương hại đến chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc. Các hành vi vi phạm pháp luật của tín đồ tôn giáo được xử lý theo quy định của pháp luật, tức là xử lý họ theo tư cách công dân. Thực tế này cũng được làm rõ trong các nghiên cứu một cách khách quan và khoa học về tôn giáo ở Việt Nam. Điều đó cho thấy những luận điệu cố tình tuyên truyền rằng Đảng và Nhà nước Việt Nam theo chế độ cộng sản hạn chế tự do tôn giáo là hoàn toàn vô lý.

3.3.2. Tư vấn và cung cấp các luận cứ, luận điểm khoa học bổ sung cho quá trình hình thành và phát triển khung nhận thức chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo

Về khía cạnh này, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng của ngành tôn giáo học thể hiện ở chỗ, từ các nghiên cứu cơ bản

1. Xem: Nguyễn Quốc Tuấn (2014), “Tiếp cận hệ thống về thực thể tôn giáo: Một cách nhìn khác về tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr.3-15 và “Triển khai lý thuyết thực thể tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10, tr.3-19.



và chuyên sâu, các nhà nghiên cứu đã tham gia đóng góp vào các dự thảo, ý kiến văn bản luật của Nhà nước. Các thể hệ lãnh đạo ngành đã tham gia vào các Hội đồng tư vấn về tôn giáo của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Lý luận Trung ương, Hội đồng Di sản Quốc gia... Ngoài ra, họ còn tham gia đóng góp cho nhiều tổng kết hoặc xây dựng văn bản pháp luật, đặc biệt là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

Thể hiện tính tiên phong và mang tính dự báo của công tác nghiên cứu khoa học, giới tôn giáo học ở Việt Nam đã có những bổ sung đáng chú ý về các vấn đề mới liên quan đến đời sống tôn giáo trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chẳng hạn, các nghiên cứu về: sự xuất hiện của các hiện tượng tôn giáo mới; hiện tượng tâm linh, cận tôn giáo; hiện tượng giải lãnh thổ gắn với vấn đề dân tộc - tôn giáo; hiện tượng thương mại hóa/hàng hóa hóa tôn giáo; những vấn đề đất đai, tài sản liên quan đến tôn giáo; giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo và phát triển bền vững đất nước; những vấn đề về thể nhân và pháp nhân tôn giáo; mô hình mối quan hệ giữa nhà nước và giáo hội trong bối cảnh nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam... Chính các nhà tôn giáo học, tiêu biểu như Nguyễn Hồng Dương và Đỗ Quang Hưng, là những người đã đề xuất và làm sâu sắc luận điểm xem tôn giáo là nguồn lực, với các mệnh đề như tôn giáo là “nguồn lực trí tuệ”, “nguồn lực phát triển xã hội”, “nguồn lực tinh thần và vật chất phục vụ phát triển xã hội”. Những mệnh đề này đã được giới tôn giáo học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam hình thành, luận giải và công bố công khai trên các



ấn phẩm học thuật ít nhất từ những năm 2010-2015¹. Trong Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về “*Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới*”, quan điểm về phát huy nguồn lực tôn giáo đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng đã được đề cập tới. Đến Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta chủ trương: “*Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước*”².

3.3.3. *Xây dựng các cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo tiên tiến có sự kết hợp giữa lý luận mác-xít với tinh hoa học thuật thế giới, tăng cường giao lưu quốc tế, bảo vệ và làm rõ tính đúng đắn trong tư tưởng của Đảng về tôn giáo trên các diễn đàn học thuật*

Hiện nay, tôn giáo học ở Việt Nam đang là lĩnh vực thu hút sự quan tâm và tham gia của đông đảo các học giả, với sự tích hợp mạnh mẽ giữa cách tiếp cận mác-xít về tôn giáo và các tinh hoa học thuật của Tôn giáo học thế giới. Các nghiên cứu mới của các nhà nghiên cứu về tôn giáo tiếp tục làm rõ những vai trò và giá trị của tôn giáo, các đóng góp của cộng đồng tôn giáo đối với các lĩnh vực của đất nước, đồng thời chỉ ra các thách thức phát sinh từ đời sống tôn giáo đối với công cuộc xây dựng và phát

1. Xem: Đỗ Quang Hưng (2010), “Tôn giáo cũng là một nguồn lực trí tuệ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*; Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.46-53.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tr.171.



triển bền vững. Điều đó càng làm sâu sắc thêm và khẳng định tính đúng đắn trong tư tưởng của Đảng về tôn giáo trong kỷ nguyên hiện nay. Các quan điểm, đường lối và chính sách của Đảng về tôn giáo đã được giới tôn giáo học truyền thông rộng rãi trên các diễn đàn học thuật quốc tế, không chỉ ở mức độ hội thảo khoa học mà còn qua các ấn phẩm của những nhà xuất bản uy tín trên thế giới. Thông qua việc góp phần thay đổi nhận thức của một bộ phận bạn bè quốc tế về hình ảnh Việt Nam và về chính sách tôn giáo ưu việt của Đảng và Nhà nước, giới tôn giáo học đã giúp việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trở nên rộng mở hơn, đồng thời đẩy lùi những thành kiến của một số đối tượng quốc tế và các luận điệu xuyên tạc về chính sách, pháp luật tôn giáo của Việt Nam.

Đáng chú ý, các kết nối của giới tôn giáo học Việt Nam với những học giả quốc tế trong và ngoài khu vực, cùng với các tổ chức và diễn đàn như Viện Liên kết Toàn cầu (IGE) và Tổ chức Tự do Tôn giáo và Kinh doanh (RFBF), thông qua các thảo luận và hội thảo khoa học, đã phần nào làm thay đổi nhận thức và đánh giá của phía Hoa Kỳ về tự do tôn giáo ở Việt Nam. Những hoạt động này góp phần bảo vệ quan điểm và chính sách đúng đắn về tự do tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đồng thời đấu tranh yêu cầu đưa Việt Nam ra khỏi danh sách theo dõi đặc biệt về tự do tôn giáo.

4. Những định hướng và sứ mệnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng của ngành tôn giáo học

Hiện nay, tôn giáo học là một lĩnh vực/ngành khá năng động được nghiên cứu và giảng dạy ở nhiều viện nghiên cứu, trường đại học lớn có uy tín tại Việt Nam. Tại cơ quan nghiên cứu đầu



ngành về khoa học xã hội và nhân văn như Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tôn giáo học là lĩnh vực thuộc Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, tiếp tục đảm đương sứ mệnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chính như sau¹:

1. Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản, cấp bách về tôn giáo ở Việt Nam và trên thế giới trong lịch sử và hiện nay, dưới góc độ tiếp cận chuyên ngành dân tộc học/nhân học, tôn giáo học và các ngành liên ngành trong khoa học xã hội, hướng đến phát triển bền vững; góp phần làm sáng tỏ các vấn đề tôn giáo trong phát triển ở Việt Nam và trên thế giới; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng và tôn giáo; thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc của nước ta; đồng thời góp phần phát triển ngành dân tộc học/nhân học và tôn giáo học ở Việt Nam.

2. Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản, cấp bách của tín ngưỡng và tôn giáo trên thế giới và ở Việt Nam trong lịch sử và hiện nay, bao gồm: niềm tin/đức tin tôn giáo, giáo lý tôn giáo, giá trị tôn giáo, nguồn lực tôn giáo, các cách tiếp cận và lý thuyết nghiên cứu tôn giáo, quan hệ giữa nhà nước và tôn giáo, triết lý tôn giáo, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, quan điểm của Đảng và Nhà nước về tôn giáo; nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về tôn giáo trên thế giới và ở Việt Nam; cung cấp

1. Xem: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, *Quyết định số 493/QĐ-KHXH ngày 31/3/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Dân tộc học và Tôn giáo học.*



cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách, pháp luật về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

3. Nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển, quá trình du nhập và tiếp biến của các tín ngưỡng, tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam, cũng như các tôn giáo nội sinh ở Việt Nam, như: Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành, Phật giáo Hòa Hảo, Do Thái giáo, Hồi giáo, đạo Cao Đài, các hiện tượng tôn giáo mới và các loại hình tín ngưỡng khác.

4. Nghiên cứu và làm sáng tỏ văn hóa tôn giáo, bao gồm: lối sống/nếp sống tôn giáo, đạo đức tôn giáo, phong tục tập quán, di sản tôn giáo, nghệ thuật tôn giáo, lễ hội tôn giáo, âm nhạc tôn giáo, kiến trúc tôn giáo, điêu khắc và mỹ thuật tôn giáo.

5. Nghiên cứu các vấn đề tôn giáo đương đại: vai trò, ảnh hưởng và tác động của tôn giáo đối với đời sống xã hội, như tôn giáo với kinh tế, xã hội, chính trị, môi trường, an ninh xã hội, giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe, từ thiện xã hội, các vấn đề toàn cầu, chiến tranh, hòa bình, biến đổi khí hậu...

6. Kết hợp nghiên cứu với đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học về dân tộc học/nhân học, tôn giáo và các ngành liên quan; tham gia đào tạo đại học và sau đại học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Dân tộc học và Tôn giáo học; góp phần phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu của Viện Hàn lâm và các tổ chức trong và ngoài nước.

7. Tư vấn khoa học và phản biện các chiến lược, luật, chính sách, chương trình, đề án và dự án phát triển kinh tế - xã hội dưới góc độ dân tộc học/nhân học và tôn giáo học, theo yêu cầu của Viện Hàn lâm và đề nghị của các bộ, ban, ngành, địa phương;



cung cấp các dịch vụ công và dịch vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện và quy định của pháp luật.

8. Với vai trò là cơ quan ngôn luận của Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, nơi đăng tải các nghiên cứu, trong đó có các nghiên cứu về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Tạp chí Dân tộc học và Tôn giáo học cần tiếp tục nâng cao chất lượng, mở rộng phạm vi và độ phủ rộng của Tạp chí, phấn đấu trở thành diễn đàn học thuật uy tín của giới nghiên cứu Tôn giáo học cũng như bạn đọc quan tâm đến lĩnh vực này. Cần đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của Tạp chí, tăng cường đầu tư kinh phí và nhân lực, đồng thời đề nghị Viện Hàn lâm sớm thành lập Tạp chí điện tử với hệ thống nhận bài online cho các tạp chí chuyên ngành và đa ngành, nhằm hướng đến phát triển các Tạp chí có chỉ số DOI và tiến tới đưa vào danh mục Scopus/ISI trong tương lai.

Nhằm hiện thực hóa những nhiệm vụ nêu trên, thiết nghĩ Viện Dân tộc học và Tôn giáo học đang và sẽ tiếp tục nghiên cứu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo qua một số chủ đề sau: Một là, quan điểm về hệ thống tôn giáo dân tộc. Hai là, làm rõ hơn một số thuật ngữ như “Thờ cúng” mà người Việt sử dụng bấy lâu và được Hồ Chí Minh sử dụng trong Sắc lệnh 234. Thuật ngữ thế nào là tín ngưỡng, thế nào là tôn giáo theo quan niệm truyền thống của người Việt? Bởi, đối với ngành Tôn giáo học có đối tượng nghiên cứu vô cùng nhạy cảm, nên việc nghiên cứu vấn đề lý luận, quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo sẽ luôn là ngọn đèn soi đường chỉ lối cho các nhà nghiên cứu dù làm lâu năm hay chập chững bước vào nghề ở Việt Nam hiện nay¹.

1. Nguyễn Hồng Dương (2016), “Nghiên cứu lý luận tôn giáo - một



Bên cạnh đó, cần đặt ra các mục tiêu thực hiện các chương trình nghiên cứu dài hạn, có hệ thống về gìn giữ và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng dưới góc độ tôn giáo học trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Viện cần tiếp tục triển khai một số nghiên cứu đã được đề ra theo lộ trình:

1. Chương trình quốc gia nghiên cứu về lý luận: *Tôn giáo và an ninh tư tưởng xã hội giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến 2045*: Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tôn giáo và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới, kỷ nguyên mới.

2. Chương trình quốc gia nghiên cứu các vấn đề thực tiễn:

○ Nghiên cứu tín ngưỡng và tôn giáo của các tộc người thiểu số ở Việt Nam.

○ Nghiên cứu nhân khẩu học tôn giáo ở Việt Nam (số lượng tín đồ, cơ cấu tín đồ, phân bố tín đồ, đặc điểm tín đồ, xu hướng biến đổi, v.v.).

○ Nghiên cứu quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam: các vấn đề lý luận, thực tiễn và gợi ý chính sách.

○ Nghiên cứu bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

○ Nghiên cứu phát huy vai trò của tôn giáo trong việc thay đổi tập quán mai táng ở Việt Nam, góp phần bảo vệ môi trường và tiết kiệm nguồn lực đất đai.

trong đột phá khâu nghiên cứu tôn giáo của Viện Nghiên cứu Tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr. 30-31.



3. Chương trình hỗ trợ nghiên cứu:
 - o Biên soạn từ điển tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.
 - o Soạn giáo trình Tôn giáo học.
 - o Chương trình dịch thuật các công trình tiêu biểu về tín ngưỡng và tôn giáo trên thế giới.

5. Kết luận

Nhìn lại tiến trình hình thành và phát triển tri thức tôn giáo ở Việt Nam, rõ ràng có một sự liên tục mang tính lịch sử từ khi Đảng thành lập đến nay. Trước năm 1990, dù chưa hình thành một ngành khoa học độc lập, những đóng góp từ tư tưởng Hồ Chí Minh và nhiều học giả trong các lĩnh vực triết học, sử học, dân tộc học, văn hóa học và xã hội học đã tạo nên nền tảng vững chắc để nhận diện đúng bản chất của tôn giáo, đồng thời xác lập đường lối khoa học, nhân văn và tiến bộ. Trong những giai đoạn khó khăn của đất nước, các quan điểm nền tảng như: tôn giáo là hiện tượng xã hội; quyền tự do tín ngưỡng; đoàn kết lương - giáo; nguyên tắc tôn trọng niềm tin chính đáng và chống lợi dụng tôn giáo... đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ hệ tư tưởng của Đảng trước những tác động phức tạp của lịch sử và chính trị quốc tế.

Sự ra đời của ngành tôn giáo học ở Việt Nam từ năm 1991, với vai trò tiên phong của Viện Nghiên cứu Tôn giáo (nay là Viện Dân tộc học và Tôn giáo học), đã tạo ra một bước ngoặt quan trọng, đưa nghiên cứu tôn giáo chuyển sang nền khoa học chuyên nghiệp và hiện đại. Ngành tôn giáo học không chỉ tái khẳng định di sản lý luận của Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn tiếp thu có chọn lọc lý thuyết quốc



tế, xây dựng hệ khái niệm mới phù hợp với điều kiện Việt Nam, đồng thời cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách tôn giáo trong thời kỳ Đổi mới. Từ các chương trình khảo sát thực tế rộng lớn đến những phân tích lý luận về tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa, các nghiên cứu này đã nâng cao chất lượng nhận thức và tính thực tiễn của công tác tôn giáo, bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và đời sống.

Ngày nay, trong bối cảnh thông tin đa chiều, mạng xã hội phát triển mạnh mẽ và sự gia tăng các hoạt động lợi dụng tôn giáo nhằm thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên lĩnh vực tôn giáo càng trở nên cấp thiết. Tôn giáo học, với tư cách một ngành khoa học, vẫn đóng vai trò không chỉ nhận diện mà còn lý giải và phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch. Các nghiên cứu của các nhà chuyên môn cung cấp luận cứ cho các cơ quan Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng chính sách tôn giáo phù hợp. Những đóng góp của Viện Nghiên cứu Tôn giáo và các cơ sở nghiên cứu khác đã chứng minh vai trò cần thiết của ngành trong việc bảo vệ đường lối tôn giáo đúng đắn của Đảng và tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Có thể khẳng định rằng, nghiên cứu tôn giáo luôn nằm trong mạch phát triển thống nhất của khoa học xã hội Việt Nam, gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước. Trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cùng thành tựu của tôn giáo học hiện đại, đã hình thành một hệ thống tri thức vừa mang giá trị khoa học, vừa mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Điều này tiếp tục khẳng định vai trò cần thiết của nghiên cứu tôn giáo trong giai đoạn đổi mới, hội nhập và phát triển hiện nay.